

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 105/2023/DS-PT

Ngày 19-7-2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay  
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Hà Giang;

*Các Thẩm phán:* ông Đặng Văn Quyết và ông Nguyễn Việt Hùng;

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang** tham gia phiên tòa: ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLPT- DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã Ph huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**2. Bị đơn:** chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố V, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Ngô Xuân T, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố V, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Ngô Xuân T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS – ST ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn* - anh Nguyễn Tiến Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H có quan hệ quen biết, từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 03 năm 2022, anh có cho chị

H vay nhiều lần tiền, có lần giao tiền trực tiếp, có lần vừa chuyển khoản và đưa tiền mặt cho chị H. Ngày 22/3/2022, chị H có hỏi vay tiền anh để kinh doanh hải sản. Tuy chị H vẫn còn nợ tiền anh nhưng chị H có nói với anh là cần vốn để tiếp tục kinh doanh nên anh đã cho chị H, anh T vay số tiền 330.000.000 đồng. Số tiền này anh vừa chuyển khoản cho chủ tài khoản là chị H và vừa đưa tiền mặt cho chị H, có anh T ở đó. Chị H, anh T ký giấy biên nhận vay tiền tại phần người vay. Thời hạn vay từ ngày 22/3/2022 đến ngày 22/7/2022, lãi suất vay không ghi nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận miệng là 1%/ tháng. Khi vay tiền, chị H, anh T có thể chấp chiếc xe ô tô màu đen biển kiểm soát 98A - 42180 mang tên Ngô Xuân T số đăng ký 98009024” ghi trong giấy biên nhận vay tiền nhưng thực tế anh T, chị H có đề nghị cho mượn lại xe để đi lại, anh tin tưởng cũng đồng ý cho vợ chồng chị H mượn xe ô tô còn anh chỉ giữ đăng ký xe ô tô. Việc anh và vợ chồng chị H thỏa thuận thế chấp xe ô tô chỉ ghi vào giấy biên nhận vay tiền mà không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký thế chấp chiếc xe trên. Từ sau khi vay tiền thì chị H, anh T không trả được anh đồng tiền gốc và lãi nào của khoản tiền vay 330.000.000 đồng trên.

Sau thời điểm anh cho chị H vay tiền, các khoản vay trước ngày 22/03/2022 chị H có chuyển khoản cho anh một số lần nhưng cụ thể là bao nhiêu tiền thì anh không nhớ nhưng các lần chị H chuyển khoản cho anh là số tiền chị H trả anh của các lần vay trước mà không liên quan gì đến khoản vay ngày 22/03/2022. Sau khi chị H trả tiền mặt và chuyển khoản trả của các lần vay trước ngày 22/03/2022 thì anh và chị H đã thanh toán xong nên anh đã trả giấy gốc của các khoản vay trước đó cho chị H, anh chỉ còn giữ lại bản phô tô. Thực tế chị H, anh T vay anh số tiền 330.000.000 đồng nhưng ở phần cuối đơn khởi kiện do sơ suất anh lại viết là yêu cầu trả số tiền 320.000.000 đồng. Nay anh chỉ yêu cầu chị H, anh T trả anh số tiền 320.000.000 đồng, anh không yêu cầu chị H, anh T trả tiền lãi của khoản vay này.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A - 42180 mang tên Ngô Xuân T số đăng ký 98009024” mà anh T, chị H thế chấp cho anh thì anh không có yêu cầu gì. Số tiền anh cho anh T, chị H vay là tài sản riêng của anh không liên quan gì đến vợ và các con anh. Tại phiên tòa sơ thẩm anh Q trình bày do chị H, anh T kinh tế khó khăn nên anh chỉ yêu cầu chị H, anh T trả anh số tiền 300.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn* - chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến Q có quan hệ quen biết, trước đây chị có vay tiền của anh Q 2-3 lần để đầu tư kinh doanh, tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng, các lần vay đều có giấy biên nhận vay tiền do anh Q giữ, chị không giữ bản nào nên không cung cấp được cho Tòa. Chị đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng do anh Q chuyển khoản. Số tiền vay và thời

gian vay các lần trước chị không nhớ cụ thể, hai bên cũng không thỏa thuận cụ thể về thời hạn vay và lãi suất, chỉ thỏa thuận miệng là khi nào chị có tiền thì trả cả gốc và lãi, tiền lãi do anh Q tự tính và báo lại cho chị.

Đến tháng 03/2022, do chị chưa trả được tiền gốc nên anh Q có yêu cầu chị chốt nợ và viết giấy biên nhận vay mới, chị đồng ý. Anh Q bảo chị mang giấy biên nhận vay tiền chưa điền nội dung cho chồng chị là Ngô Xuân T ký, chị đồng ý và mang về cho chồng ký tên vào mẫu giấy biên nhận vay tiền đã đánh máy sẵn nhưng chưa điền chữ viết tay, chồng chị ký tên vào mục “Người vay tiền”. Sau đó chị mang giấy biên nhận vay tiền mà anh T đã ký cho anh Q, xong anh Q đọc cho chị viết các nội dung trong giấy vay, nội dung là vợ chồng chị có vay của anh Q số tiền 330.000.000 đồng để kinh doanh hải sản, từ ngày 22/03/2022, hạn trả ngày 22/7/2022. Để đảm bảo khoản vay, anh Q còn yêu cầu chị thế chấp xe ô tô đứng tên chồng chị. Chị đồng ý giao giấy đăng ký xe cho anh Q giữ và ghi vào giấy vay theo yêu cầu của anh Q nội dung: “thế chấp tài sản 1 xe ô tô 98A - 42180 mang tên Ngô Xuân T màu đen số đăng ký 98009024” và “vợ chồng tôi mượn lại xe 10 ngày sau trả lại cho anh Nguyễn Tiến Q”, sau đó chị ký tên vào mục “Người vay tiền” bên cạnh chữ ký của chồng chị đã ký từ trước. Hai bên không thỏa thuận cụ thể về lãi suất.

Về số tiền ghi trong giấy vay là 330.000.000 đồng là do anh Q yêu cầu chị viết, anh Q có bảo chị cứ viết là 330.000.000 đồng, nếu sau này chị trả được 300.000.000 đồng thì anh Q cũng chỉ đòi 300.000.000 đồng chứ không đòi 330.000.000 đồng. Về nội dung thế chấp ô tô, thực tế anh Q chỉ yêu cầu chị giao giấy đăng ký xe cho anh Q chứ không yêu cầu giao xe, vợ chồng chị vẫn sử dụng xe từ đó đến nay, không đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền. Từ sau khi vay số tiền 300.000.000 đồng đến nay, chị chưa trả gốc nhưng đã trả lãi cho anh Q nhiều lần được tổng số 124.000.000 đồng, có lần đưa tiền mặt, có lần chuyển khoản cho anh Q. Các lần trả tiền chị đều không yêu cầu anh Q ký xác nhận trả nợ. Cụ thể chị 12 lần chuyển khoản gồm: ngày 19/02/2022 trả 8.000.000 đồng; ngày 22/02/2022 trả 7.000.000 đồng; ngày 13/3/2022 trả 10.000.000 đồng; ngày 20/3/2022 trả 8.000.000 đồng; ngày 21/4/2022 trả 20.000.000 đồng; ngày 09/5/2022 trả 20.000.000 đồng; ngày 21/5/2022 trả 10.000.000 đồng; ngày 26/5/2022 trả 10.000.000 đồng; ngày 29/5/2022 trả 10.000.000 đồng; ngày 04/9/2022 trả 5.000.000 đồng; ngày 05/9/2022 trả 4.000.000 đồng; ngày 07/9/2022 trả 3.000.000 đồng và 02 lần chị trả tiền mặt đưa tay cho anh Q một lần là 9.000.000 đồng, một lần là 5.000.000 đồng nhưng chị không nhớ trả ngày nào. Số tiền lãi trên là do anh Q tính ra và yêu cầu trả, theo chị là lãi suất khoảng 3.000 đồng đến 4.000 đồng/triệu/ngày. Tổng số tiền chị đã trả cho anh Q là 124.000.000 đồng, chị xác định đều là trả vào tiền lãi.

Anh T chỉ biết chị có vay anh Q 300.000.000 đồng chứ không tham gia giao dịch và không biết chị vay cụ thể như thế nào. Sau khi vay, chị đã sử dụng số tiền vay vào việc kinh doanh hải sản của vợ chồng.

Nay anh Q yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền gốc là 320.000.000 đồng, chị đồng ý trả anh Q số tiền này nhưng do chị đang làm ăn khó khăn nên đề nghị để chị thu xếp trả trước cho anh Q 50.000.000 đồng, số tiền còn lại chị sẽ trả anh Q 10.000.000 đồng/tháng đến khi trả xong. Đối với số tiền lãi đã trả cho anh Q là 124.000.000 đồng, trường hợp chị và anh Q thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án thì chị không yêu cầu Tòa án xem xét, trường hợp không thỏa thuận được chị đề nghị Tòa xem xét đối trừ số tiền này vào tiền lãi và tiền gốc phải trả cho anh Q. Chị đã được xem Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 22/03/2022 mà anh Q nộp cho Tòa án, chị xác nhận toàn bộ chữ viết tay ở phần nội dung của Giấy biên nhận và chữ ký tên “Hồng – Nguyễn Thị H” ở mục “Người vay tiền” trong giấy biên nhận là do chị viết và ký.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H xác định thực tế chị không vay anh Q 330.000.000 đồng mà chị vay của anh Q nhiều lần từ trước, đến ngày 22/3/2022 cộng lại là 300.000.000 đồng nhưng anh Q nói là cứ viết số tiền vay 330.000.000 đồng. Sau khi vay tiền của anh Q chị đã trả anh Q nhiều lần tiền lãi. Đến nay anh Q yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền 300.000.000 đồng chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý trả cho anh Q số tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Ngô Xuân Toàn* trình bày: Anh là chồng của chị H, trước đây anh có biết vợ anh vay của anh Q số tiền 300.000.000 đồng, vay làm nhiều lần trong đó có 01 lần anh cùng ký giấy vay với vợ anh, còn các lần khác anh không tham gia giao dịch trực tiếp với anh Q và không biết nội dung hai bên thỏa thuận cụ thể như thế nào. Vợ anh đã nhận được 300.000.000 đồng do anh Q chuyển khoản. Mục đích vay số tiền trên để đầu tư kinh doanh hải sản, việc kinh doanh này do vợ chồng anh cùng làm. Sau khi vay, vợ anh đã trả lãi cho anh Q nhiều lần nhưng anh không biết cụ thể là bao nhiêu tiền.

Anh đã được xem giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 22/3/2022 mà anh Q nộp cho Tòa án, anh xác nhận chữ ký tên “Ngô Xuân T” ở mục “Người vay tiền” trong giấy biên nhận là do anh viết và ký. Khi anh ký thì giấy biên nhận là ký vào mẫu in sẵn, chưa điền nội dung (chưa có chữ viết tay nào), mẫu giấy này do vợ anh mang về cho anh ký và bảo là ký vay thêm 30.000.000 đồng. Sau khi anh ký tên thì vợ anh và anh Q gặp nhau thỏa thuận vay, chốt nợ và điền vào giấy vay như thế nào anh không biết và không có mặt. Anh có tài sản riêng là 01 xe ô tô 98A - 42180 mang tên Ngô Xuân T, việc vợ anh mang giấy đăng ký xe thế

chấp cho anh Q thì anh không biết. Anh cũng không biết chị H đã trả cho anh Q bao nhiêu tiền từ sau khi vay cho đến nay, bản thân anh không trả lần nào.

Nay anh Q yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền 320.000.000 đồng, anh đồng ý trả nhưng do vợ chồng anh đang làm ăn khó khăn nên đề nghị để anh thu xếp trả trước 50.000.000 đồng, số tiền còn lại anh sẽ trả anh Q 10.000.000 đồng/tháng đến khi trả xong. Đối với số tiền lãi vợ anh đã trả cho anh Q, trường hợp thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án thì anh không yêu cầu Tòa án xem xét, trường hợp không thỏa thuận được thì anh sẽ đề nghị Tòa xem xét đối trừ vào tiền lãi và tiền gốc phải trả cho anh Q.

*Vợ anh Quân - chị Vũ Thị Lan trình bày:* số tiền anh Q cho chị H vay là tài sản riêng của anh Q, chị không liên quan đến số tiền này. Chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS – ST ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đã: căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến Q đối với chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Xuân T. Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Xuân T phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Tiến Q số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Xuân T phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 25/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Xuân T kháng cáo đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS – ST ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q và vợ chồng anh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Theo đó anh Q, chị H, anh T thỏa thuận: chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Xuân T có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Tiến Q 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu) tiền gốc và trả làm hai lần. Anh T, chị H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và anh T chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng, đủ quy định của BLTTDS, các đương sự chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền nghĩa vụ. Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của anh T, xét tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm: căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của BLTTDS, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa án phí dân sự sơ thẩm, quyết định án phí dân sự phúc thẩm theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung vụ án và kháng cáo của anh T, HĐXX thấy:

[1.1]. Căn các tài liệu có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Xuân T có vay của vay của anh Nguyễn Tiến Q số tiền 330.000.000 đồng mục đích để kinh doanh hải sản, thời hạn vay từ ngày 22/3/2022 đến ngày 22/7/2022. Đến hạn trả nợ chị H, anh T chưa trả cho anh Q số tiền gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ hai bên đã cam kết. Tại phiên tòa anh Q chỉ yêu cầu chị H, anh T trả số tiền gốc vay 300.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của anh Q nên Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu trả tiền của anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Theo đó anh Nguyễn Tiến Q, chị Nguyễn Thị H, anh Ngô Xuân T thống nhất thỏa thuận: chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Xuân T có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Tiến Q 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu) tiền gốc đã vay và trả làm hai lần. Thời gian trả nợ cụ thể: lần thứ nhất đến ngày 30/9/2023, chị H, anh T thanh toán trả anh Q 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; Lần thứ hai, đến ngày 31/12/2024, chị H, anh T thanh toán trả anh Q 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền gốc còn lại.

Về án phí: anh Q, chị H, anh T thỏa thuận chị H và anh T chịu cả 7.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh T chịu cả 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự nên cần chấp nhận. Căn cứ Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 21/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về án phí: chị Nguyễn Thị H, anh Ngô Xuân T phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ngô Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử: sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Tiến Q, chị Nguyễn Thị H, anh Ngô Xuân T. chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Xuân T có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Tiến Q 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu) tiền gốc đã vay. Thời hạn thanh toán cụ thể:

Lần thứ nhất: đến ngày 30/9/2023, chị H, anh T thanh toán trả anh Q 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng;

Lần thứ hai: đến ngày 31/12/2024, chị H, anh T thanh toán trả anh Q 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền gốc còn lại;

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị H, anh Ngô Xuân T phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ngô Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0004845 ngày 05/5/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện Tân Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**Nguyễn Hà Giang**